

SỰ ĐÓNG GÓP CỦA ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO

Thích Nữ Giới Hương

Những nhà đại thừa (*Mahayana or Developed Buddhist Tradition*) nhận thức rằng A-la-hán là những vị hướng nội, bởi vì vị ấy cố gắng giải thoát cho chính bản thân mình, không thích hòa đồng xã hội, ẩn cư để giải thoát khỏi thế giới đau khổ và vô thường này.

Đây là nét đẹp làm mẫu mực cho chúng ta và cũng là một điều rất quý. Trong Kinh Pháp Hoa hay kết án A-la-hán và Độc giác, thật ra chỉ vì Đức Phật muốn các bậc này phải tiến xa hơn nữa trong khả năng điều dụng của mình là lợi mình và người, đừng chỉ dừng ở chỗ giải thoát khỏi các lậu hoặc kiết sử và an tịnh Niết bàn. Còn chư Bồ Tát sống vì lợi ích cho số đông, chư thiên và loài người, các ngài có thể giúp cho tất cả chúng sanh đạt giải thoát (*sarva-sattva-parinirvana-hetoh*), bởi vì các ngài yêu thương các chúng sanh này và sẵn sàng vì chúng sanh mà trì hoãn việc giải thoát của mình. Trí tuệ của Bồ Tát là để phục vụ sự giải thoát cho tất cả và vì thế trí tuệ này không phải là trí tuệ của bậc A-la-hán và Độc giác. Chúng ta có thể so sánh một Bồ Tát như vị bố thí thức ăn cho những chúng sanh khác, trong khi A-la-hán thì là người dùng thức ăn. Vì vậy, các Bồ Tát trong các tác phẩm tiếng Phạn (Sanskrit) mang những thuộc tính lợi tha vì người và những thuộc tính này thì cao hơn A-la-hán và bậc Độc giác.

Ở đây có hai điểm chúng ta cần để ý là:

a) Bồ Tát giúp chúng sanh không chỉ đạt Niết Bàn, mà còn khiến cho chúng sanh có được những hạnh phúc vật chất và an sinh trong xã hội qua phương pháp tu tập các ba-la-mật, đặc biệt là Bố thí ba-la-mật: Nội tài, ngoại tài và vô úy thí. Các Bồ Tát đã hy sinh lý tưởng ẩn tu yên tịnh của các bậc A-la-hán để dẫn thân bên ngoài giúp đời.

b) Bồ Tát hy vọng giúp tất cả chúng sanh đạt Niết Bàn. Vì vậy, các ngài đã từ chối vào Niết Bàn. Khi nào chúng sanh vào Niết Bàn hết rồi các ngài mới vào. Chính các ngài đã phải thị hiện phiền não như chúng sanh, cùng đồng trần với chúng sanh để chỉ ra con đường giải thoát, còn các ngài thì vẫn còn ở mãi thế gian trần lụy này. Đây là sự hy sinh lớn lao của các ngài đối với tất cả chúng sanh. Các Bồ Tát như A-nan và Địa Tạng đã lập lời nguyện lớn như:

"Các chúng sanh giải thoát hết rồi, thì lúc đó ta mới nhập Niết bàn tối hậu" (*I shall not enter into final Nirvana before all beings have being liberated*). Rồi ngài đã phát nguyện đồng mãnh sẽ tiếp tục hành Bồ Tát hạnh này như một vị Bồ Tát trong suốt tận cùng thế giới. Các ngài đã nói "Ta phải đưa tất cả chúng sanh đến giải thoát. Ta sẽ ở đây tận cùng trái đất, ngay cả chỉ vì một linh hồn nhỏ nhoi" (*I must lead all beings to liberation. I will stay here till the end, even for the sake of one living soul*).

Trong các kinh đại thừa đã đề cao đức tánh từ bi này của Bồ Tát để đối lại sự hướng nội của bậc A-la-hán và Độc giác. Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa đã dạy một nguyên tắc căn bản rằng: "*Tất cả chúng sanh sẽ trở thành Phật*". Ngài Thánh Thiên đã nói rằng ngay cả những con côn trùng, sâu bọ nhỏ nhít cuối cùng cũng đạt vị trí tối cao bằng chư Phật Chánh đẳng giác. Vì vậy, vị Bồ Tát đau lòng khi thấy chúng sanh quên tánh Phật của mình mà lao đao với những phiền não trần lụy. Do đó, các ngài tận lòng cứu giúp để tất cả cùng trở về bản vị của mình. Do vì cứ thương người hơn thương mình nên các nhà Tâm lý học hiện đại gọi Bồ Tát là "extrovert" (người hướng bên ngoài) để độ sanh và A-la-hán là "introvert" (người hướng bên trong) để thanh tịnh tự nội.

Về căn bản lý tưởng giữa hai bên Bồ Tát và A-la-hán hay đại thừa và tiểu thừa Phật giáo thì không khác nhau nhiều. Giống như gọi xe lớn, xe nhỏ thật ra không có vấn đề lắm như mọi người nghĩ. Điều này chứng tỏ sự khác nhau về mục đích tối thượng thôi.

Sự phân biệt nằm trong chuỗi thời gian của hiện tượng và trong mối quan hệ của những người đấu tranh lẫn nhau để phá vỡ cái rường cột tồn tại của các pháp. Một khi chúng ta đã phá vỡ những ràng buộc này thì thế giới hiện tượng sẽ được nhìn thấy hoàn toàn khác hơn hiện tại và từ quan điểm cứu cánh này có thể nói không còn sự phân biệt. Vì vậy, giữa Bồ Tát và A la hán mục đích giống nhau.

Nếu lý tưởng Bồ Tát được xem đối kháng với lý tưởng A la hán của Tiểu thừa thì việc này cần được làm rõ. Thật ra, có nhiều sự hiểu lầm cho rằng A la hán là vị kỷ. Cái buộc tội vị kỷ này là không phải chống lại A la hán mà chỉ muốn chúng ta đừng nên xem A-la-hán như là một lý tưởng duy nhất tối cao. Từ đó, làm cho đời sống tôn giáo có mục đích cao thượng, dường như trở thành một cái gì đó thiếu thực tiễn và thụ động thu vào.

Đức Phật đã dạy rõ ràng bằng những ví dụ và những giới luật. Giá trị của hành động tu tập là sự thực hiện lợi ích cho người. Tinh thần lời dạy của Ngài là chúng ta nên giác ngộ mình trước rồi mới giúp người khác, cho nên đạt được A-la-hán quả cũng là quá phi thường, quá hay và đáng được tôn thờ kính lễ. Tuy nhiên, nếu các bậc thánh giả cải thân nhập thế giúp được con người và xã hội nữa thì càng tốt hơn. Ý tưởng này được nói rất rõ khi Đức Phật khuyên 60 A la hán đầu tiên nên tận tụy phụng sự người khác. Đức Phật chính ngài không chủ trương các thứ thuần lý thuyết và tranh luận, vì nó không có giá trị thực tiễn. Nhưng hoàn toàn trái lại, theo những gương tu tập cao thượng của Đức Thế Tôn và những đệ tử sau này của Ngài, thay vì chỉ thực tập đời sống tâm linh mà Đức Phật đã giảng dạy, lại bắt đầu thực hiện nghiên cứu chữ nghĩa suông coi đó là mục đích cứu cánh. Họ mới trở thành những triết gia và nhà biện luận với rất ít sự thực tập. Các Tỳ kheo Tiểu thừa ít nhiều đã sống thụ động trong thế giới riêng của chính mình và nếu coi đó là cứu cánh, thì đây cũng là những cực đoan.

Sự đối mới của các nhà Đại thừa không phải là chống lại lý tưởng của các A la hán, cũng không chống lại lý tưởng của Phật và lý tưởng gốc của kinh

điển. Đức Phật và các A-la-hán sau khi đạt đến giải thoát đã giúp nhân loại xóa bỏ thành trì tự ngã này. Mặt khác, tuy nhiên khi lý tưởng Bồ Tát được chủ trương, mà nếu chúng ta quá ư tôn sùng lý tưởng Bồ Tát thì đây cũng là rơi vào một cực đoan khác nữa. Cực đoan duy lý (*extreme intellectualism*) của Tiểu thừa được thay thế bởi cực đoan duy tâm (*extreme emotionism*) của Đại thừa phát triển. Cái tinh yếu của lời dạy Đức Phật nằm ở giữa, trong sự hòa hợp giữa lý và tình giữa khối óc và trái tim, giữa lý thuyết và thực tập. Đây là tính cách hoàn hảo để hiểu đúng Phật pháp.

Tuy nhiên về phương diện lịch sử, sự khác biệt nhấn mạnh giữa hai lý tưởng này là công hạnh A-la-hán, là cách sống mà hành giả tìm cầu một mục đích cao thượng để giải thoát chính mình khỏi trói buộc của sáu trần và giúp những người khác thực hiện con đường an lạc này. Trái lại, sự nhấn mạnh về công hạnh của Bồ Tát thì lại dựa trên mục đích giúp những người khác giải thoát và cũng cùng với cách này sự giải thoát sẽ đến cho chính mình một cách tự nhiên, dù không mong muốn.

Ở đây, chúng ta cũng chú ý thêm rằng vì có sự khác nhau này nên theo quan điểm của những người Phật tử thì Bồ Tát được nâng cao giá trị hơn A-la-hán. Các ngài A-la-hán nhận được sự kính trọng như một bậc thầy gương mẫu, siêu nhân giới đức, trong khi Bồ Tát thì được kính trọng như một vị thánh luôn cứu độ con người.

Thế giới thật đẹp với những công hạnh của các bậc thánh Bồ tát và A-la-hán.

SÁCH THAM KHẢO:

Encyclopaedia of Buddhism, ed. G.P. Malalasekera, Government of Ceylon, Colombo, 1971.

Suzuki, D.T., *Outlines of Mahayana Buddhism*, New York, 1977.

Paul Williams, *Mahāyāna Buddhism-The Doctrinal Foundation*, New York,
4th rpt. 1998.

Dutt, N., *Aspects of Mahayana Buddhism and Its Relation to Hinayana*,
London: Luzac & Co: 1930.

*The Bodhisattvapitaka (Its Doctrines, Practices and their Position in
Mahāyāna Literature)*, Ulrich Pagel, The Institute of Buddhist Studies,
Tring, U.K., 1995.

Har Dayal, *The Bodhisattva Doctrine in Buddhist Sanskrit Literature*, Delhi:
Motilal Banarsidass, rpt. 1999.